UỶ BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tỉnh Thái Nguyên	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
***	----------B.100
Số: 1535/2002/QĐ-UB	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 5 năm 2002*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Giao kế hoạch đầu tư và xây dựng Vốn chuyển quyền sử dụng đất tỉnh Thái Nguyên năm 2002.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND & UBND.
- Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ v/v giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2002
- Căn cứ Chỉ tiêu Kinh tế xã hội năm 2002 tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 496/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại công văn số 461/TH-KH ngày 29 tháng 5 năm 2002.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Nay Giao Kế hoạch đầu tư xây dựng nguồn vốn Chuyển quyền sử dụng đất năm 2002 tỉnh Thái Nguyên theo các biểu chi tiết kèm theo quyết định này.

Điều 2: Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công, Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư thực hiện theo mục tiêu, phương hướng của kế hoạch Kinh tế - xã hội năm 2002 và qui chế quản lí đầu tư và xây dựng

Điều 3 : - Các Ông, Bà : Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công, Thủ trưởng các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở tài chính vật giá, Sở Xây dựng, Kho Bạc nhà nước Thái Nguyên và các đơn vị Chủ Đầu tư có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận
- TT Tỉnh uỷ (B/c)
- TT. HHĐND tỉnh (B/c)
- Các đ/c CT, PCT
- Như điều3
- Các bộ phận nghiên cứu
- Lưu VP-XDCB

B.133

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kim

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2002 TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguồn vốn: Cấp quyền sử dụng đất.

(Kèm theo quyết định số: 1535 /2002/QĐ-UB, ngày 31 tháng 5 năm 2002 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2002	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ:	**25.912**	T.đó: 7.807 Tr.đ của năm 2001 chuyển sang
I/	**Thành phố Thái Nguyên:**	**21.100**	T.đó: 6.600 Tr.đ của năm 2001 chuyển sang
A/	***Đền bù và sự nghiệp đô thị:***	***11.000***	
1	Đền bù Khu dân cư và đo đạc lập bản đồ địa chính	5.000	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư	3.000	
3	Qui hoạch dân cư đô thị.	1.000	
4	Kinh phí sự nghiệp đô thị. (Sửa chữa, nạo vét cống rãnh, đèn đường)	1.000	
5	Công trình phường xã (trích 5% số thu CQSD đất trên địa bàn).	1.000	
B/	***Đầu tư xây dựng các công trình khác:***	***10.100***	
a/	*Trả nợ khối lượng năm 2001:*	*1.324*	
1	Thoát nước khu dân cư phường Đồng quang	165	
2	Nhà làm việc công ty Quản lý Đô thị	300	
3	Trả nợ vốn vay: - CN Quĩ hỗ trợ phát triển.	370	
	- Bộ Tài chính.	130	
4	Mua cống cấp cho xã phường.	4	
5	Đền bù khu dân cư phường Đồng quang	120	
6	XD hạ tầng khu dân cư đường Minh cầu	10	
7	Đường dân cư phường Trưng Vương.	190	
8	DA hạ tầng dân cư phường Đồng quang.	35	
b/	*Công trình chuyển tiếp:*	*7.526*	
1	Trụ sở HĐND, UBND thành phố.	5.000	
2	Trường THCS xã Tân cương.	520	
3	XD hạ tầng khu dân cư	600	
4	XD hạ tầng khu Nam ĐH Sư phạm.	370	
5	Qui hoạch đường Đán – Núi Cốc	106	
6	Trụ sở Đài Truyền thanh thành phố.	930	
c/	*Công trình mới:*	*1.250*	
1	Hội trường Thành uỷ - UBND thành phố	550	
2	DA Khu công nghiệp – TTCN tập trung	200	

1	2	3	4
3	Trụ sở Phòng Giáo dục TP	300	
4	DA Nghĩa trang Khu nam	100	
5	DA Trung tâm Chính trị TP	50	
6	DA Nhà làm việc Qlý Thị trường TP	50	
II/	**Thi xã Sông Công:**	**1.700**	Tr.đó 700 Tr.đ năm 2001
a/	*Trả nợ các công trình hoàn thành:*	*700*	chuyển sang.
1	Điện chiếu sáng cao áp thuỷ ngân.	300	
2	Các công trình khu VH-TT.	400	
b/	*Các công trình khởi công mới:*	*1.000*	
1	Đền bù khu dân cư.	400	
2	Nhà thi đấu thể thao thi xã.	500	
3	Công trình phụ trợ sân vận động.	100	
III/	**Huyện Phổ Yên:**	**1.555**	T.đó 100 Tr.đ năm 2001
a/	*Trả nợ các công trình hoàn thành:*	*282*	chuyển sang
1	Đền bù thu hồi đất thị trấn Ba hàng.	50	
2	Xây tường rào UBND xã Hồng tiến.	20	
3	Xây dựng Chợ Thị trấn Bắc sơn.	86	
4	Nhà hội trường UBND xã Nam tiến.	26	
5	Trụ sở UBND xã Trung thành.	100	
b/	*Công trình mới:*	*1.233*	
1	Nhà hội trường UBND Thị trấn Ba hàng.	150	
2	Nhà Văn hoá huyện.	50	
3	Chợ Phổ yên.	50	
4	S/chữa nhà hội trường UBND xã Hồng tiến	80	
5	Nhà làm việc UBND Thị trấn Bắc sơn.	300	
6	Nhà lớp học trường THCS Thị trấn Bắc sơn	200	
7	S/c nhà làm việc UBND xã Nam tiến.	24	
8	Nhà lớp học trường THCS Nam tiến	150	
9	S/c Trụ sở UBND xã Đông cao.	25	
10	Đường Beton Tân hương - Đông cao	70	
11	Nhà hội trường UBND xã Minh đức	54	
12	Nhà hội trường UBND xã Đồng tiến	20	
13	Nhà hội trường UBND xã Thành công	100	
IV/	**Huyện Phú Bình:**	**100**	
1	Chợ Bảo lý.	70	
2	Nhà hội trường UBND xã Tân thành.	30	
V/	**Huyện Võ Nhai:**	**247**	T.đó 47 Tr.đ năm 2001
1	Q/hoạch Chi tiết khu dân cư xã Tràng xá	20	chuyển sang
2	QH mặt bằng trường học, chợ xã Thượng nung	30	
3	XD hệ thống thoát nước phố cũ TT Đình cả	80	

1	2	3	4
4	XD Nhà văn hoá xã Thần sa	70	
5	Xây dựng Chợ Đình cả	47	
VI/	**Huyện Đồng Hỷ:**	**220**	T.đó 20 Tr.đ năm 2001
1	Trả nợ đường điện chiếu sáng TT Chùa hang	50	chuyển sang
2	Trả nợ nhà xét nghiệm TT Y tế Đồng hỷ	20	
3	Trả nợ nhà VHTT cơ quan huyện	100	
4	Công trình khác	50	
VII/	**Huyện Đại từ:**	**536**	T.đó 136 Tr.đ năm 2001
1	Hỗ trợ XD trường tiểu học Hùng sơn II	261	chuyển sang
2	QH, đền bù, giải phóng mặt bằng xã Hùng sơn	80	
3	QH, đền bù, giải phóng mặt bằng xã Mỹ yên	60	
4	QH, đền bù, giải phóng mặt bằng xã Bình thuận	135	
VIII/	**Huyện Phú lương:**	**404**	T.đó 204 Tr.đ năm 2001
1	Trụ sở UBND xã Tức tranh	100	chuyển sang
2	Trụ sở UBND xã Phấn mễ	100	
3	Nhà khách UBND huyện	204	
IX/	**Huyện Đinh hoá:**	**50**	Bố trí sau
1			
2			